

## NGHỊ QUYẾT

**Quy định mức học phí đối với giáo dục mầm non và phổ thông công lập; mức hỗ trợ học phí đối với trẻ em mầm non, học sinh, người học chương trình giáo dục phổ thông trong cơ sở giáo dục dân lập, tư thục trên địa bàn tỉnh từ năm học 2025 - 2026**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 123/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 217/2025/QH15 của Quốc hội về miễn, hỗ trợ học phí đối với trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, người học chương trình giáo dục phổ thông trong cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 238/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Xét Tờ trình số 110/TTr-UBND ngày 25 tháng 02 năm 2026 của UBND tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 1234/BC-VHXH ngày 26 tháng 02 năm 2026 của Ban Văn hóa - Xã hội, Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại Kỳ họp;

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định mức học phí đối với giáo dục mầm non và phổ thông công lập; mức hỗ trợ học phí đối với trẻ em mầm non, học sinh, người học chương trình giáo dục phổ thông trong cơ sở giáo dục dân lập, tư thục trên địa bàn tỉnh Sơn La từ năm học 2025-2026.

### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

#### 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định về mức học phí đối với giáo dục mầm non và phổ thông công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên; mức hỗ trợ học phí đối với trẻ em mầm non, học sinh, người học chương trình giáo dục phổ thông trong cơ sở giáo dục dân lập, tư thục trên địa bàn tỉnh Sơn La.

## 2. Đối tượng áp dụng

a) Trẻ em mầm non và học sinh phổ thông đang học tại các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên.

b) Trẻ em mầm non, học sinh, người học chương trình giáo dục phổ thông trong cơ sở giáo dục dân lập, tư thục trên địa bàn tỉnh Sơn La.

c) Các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục, các cơ sở giáo dục và các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan.

### **Điều 2. Mức học phí đối với giáo dục mầm non và phổ thông công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên**

1. Mức học phí đối với giáo dục mầm non và phổ thông công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên được thực hiện theo Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này (có phụ lục chi tiết kèm theo). Mức học phí đối với từng học sinh căn cứ theo nơi thường trú của học sinh.

2. Mức học phí đối với chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở và cấp trung học phổ thông được áp dụng mức học phí tương đương với mức học phí quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Mức học phí học trực tiếp quy định tại khoản 1 Điều này là căn cứ để xác định mức ngân sách nhà nước cấp bù cơ sở giáo dục công lập khi thực hiện chính sách miễn học phí đối với trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, người học chương trình giáo dục phổ thông.

### **Điều 3. Mức hỗ trợ học phí đối với trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, người học chương trình giáo dục phổ thông trong các cơ sở giáo dục dân lập, tư thục**

Trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, người học chương trình giáo dục phổ thông trong các cơ sở giáo dục dân lập, tư thục được hỗ trợ học phí bằng mức học phí học trực tiếp của cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này.

### **Điều 4. Tổ chức thực hiện**

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

### **Điều 5. Điều khoản thi hành**

1. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 09 tháng 3 năm 2026. Mức học phí và mức hỗ trợ học phí quy định tại Nghị quyết này được áp dụng từ năm học 2025-2026 (tính từ ngày 03 tháng 9 năm 2025).

2. Nghị quyết số 89/2024/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về mức học phí đối với giáo dục mầm non và phổ

thông công lập trên địa bàn tỉnh Sơn La từ năm học 2024 - 2025 hết hiệu lực thực hiện kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

*Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La khoá XV, Kỳ họp chuyên đề thứ 39 thông qua ngày 27 tháng 02 năm 2026./.*

Nơi nhận: *Danh*

- Ủy ban thường vụ Quốc hội; Chính phủ;
- Ủy ban Tài chính - Ngân sách của Quốc hội;
- Ủy Ban Công tác đại biểu của UBTWQH;
- Các Bộ: Giáo dục và Đào tạo; Tài chính; Tư pháp;
- Cục Kiểm tra Văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật,  
Bộ Tư pháp
- Vụ Pháp chế, Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Ban Thường vụ Tỉnh uỷ;
- Thường trực HĐND; UBND; UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh uỷ, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh,  
UBND tỉnh;
- Thường trực Đảng uỷ; HĐND; UBND, UBMTTQVN  
các xã, phường;
- Trung tâm Thông tin - Văn phòng UBND tỉnh;
- Trung tâm lưu trữ lịch sử tỉnh;
- Lưu: VT, N.Linh (05b).

**CHỦ TỊCH**



**Lò Minh Hùng**



## PHỤ LỤC

### MỨC HỌC PHÍ ĐỐI VỚI GIÁO DỤC MẦM NON VÀ PHỔ THÔNG CÔNG LẬP; MỨC HỖ TRỢ HỌC PHÍ ĐỐI VỚI TRẺ EM MẦM NON, HỌC SINH, NGƯỜI HỌC CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG TRONG CƠ SỞ GIÁO DỤC DÂN LẬP, TƯ THỰC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH SƠN LA TỪ NĂM HỌC 2025-2026

(Kèm theo Nghị quyết số 158/2026/NQ-HĐND ngày 27/02/2026 của HĐND tỉnh)

#### I. Mức học phí học kỳ I, năm học 2025-2026.

##### 1. Mức học phí học trực tiếp

TT	Cấp học	Đơn vị tính	Khu vực và mức học phí			
			Phường	Xã khu vực I	Xã khu vực II	Xã khu vực III
1	Giáo dục mầm non	Đồng/tháng/ người học	70.000	60.000	55.000	50.000
2	Giáo dục tiểu học	Đồng/tháng/ người học	70.000	60.000	55.000	50.000
3	Giáo dục THCS	Đồng/tháng/ người học	85.000	65.000	60.000	50.000
4	Giáo dục THPT	Đồng/tháng/ người học	135.000	115.000	105.000	100.000

##### 2. Mức học phí học trực tuyến (*học online*)

TT	Cấp học	Đơn vị tính	Khu vực và mức học phí			
			Phường	Xã khu vực I	Xã khu vực II	Xã khu vực III
1	Giáo dục mầm non	Đồng/tháng/ người học	45.000	40.000	35.000	30.000
2	Giáo dục tiểu học	Đồng/tháng/ người học	45.000	40.000	35.000	30.000
3	Giáo dục THCS	Đồng/tháng/ người học	50.000	45.000	40.000	30.000
4	Giáo dục THPT	Đồng/tháng/ người học	80.000	70.000	65.000	60.000

Xã khu vực I, khu vực II, khu vực III theo danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh sách xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025.

## II. Mức học phí từ học kỳ II, năm học 2025-2026.

### 1. Mức học phí học trực tiếp

TT	Cấp học	Đơn vị tính	Khu vực và mức học phí		
			Xã khu vực I	Xã khu vực II	Xã khu vực III
1	Giáo dục mầm non	Đồng/tháng/ người học	70.000	55.000	50.000
2	Giáo dục tiểu học	Đồng/tháng/ người học	70.000	55.000	50.000
3	Giáo dục THCS	Đồng/tháng/ người học	85.000	60.000	50.000
4	Giáo dục THPT	Đồng/tháng/ người học	135.000	105.000	100.000

### 2. Mức học phí học trực tuyến (*học online*)

TT	Cấp học	Đơn vị tính	Khu vực và mức học phí		
			Xã khu vực I	Xã khu vực II	Xã khu vực III
1	Giáo dục mầm non	Đồng/tháng/ người học	45.000	35.000	30.000
2	Giáo dục tiểu học	Đồng/tháng/ người học	45.000	35.000	30.000
3	Giáo dục THCS	Đồng/tháng/ người học	50.000	40.000	30.000
4	Giáo dục THPT	Đồng/tháng/ người học	80.000	65.000	60.000

Xã khu vực I, xã khu vực II và xã khu vực III theo danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 68/QĐ-UBND ngày 09/01/2026 của UBND tỉnh Sơn La phê duyệt danh sách thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thôn đặc biệt khó khăn; xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã khu vực I, II, III của tỉnh Sơn La./